

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 244/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 11 - 2020

“Về việc ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mâm

Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020. Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Trần Mót, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Kiều O, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Trần Mót, xã Tân Hưng Đông, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2020 và các lời khai của nguyên đơn Anh Phan Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N và chị O tổ chức đám cưới năm 1997 không có đăng đăng kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống nhưng không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày và vợ chồng sống ly thân đến nay. Anh N xét thấy vợ chồng thấy không còn hạnh phúc nữa nên anh N yêu cầu xin ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh N trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Phan Sy Bay, sinh năm 1998 và Phan Chí Khanh, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành đã có cuộc sống riêng tư nên anh N không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Anh N trình bày vợ chồng có tài sản nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh N trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

- *Chị Nguyễn Kiều O là bị đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị O thống nhất lời trình bày của anh N, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, sau thời gian chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay chị O đồng ý ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Phan Sy Bay, sinh năm 1998 và Phan Chí Khanh, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành đã có cuộc sống riêng tư nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Chị O trình bày vợ chồng có tài sản nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị O trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Nguyễn Kiều O có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Phan Văn N khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Kiều O nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị O tổ chức đám cưới năm 1997 không có đăng đăng kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh N và chị O

không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh N và chị O là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh N và chị O chung sống có 02 con chung tên là Phan Sy Bay, sinh năm 1998 và Phan Chí Khanh, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành đã có cuộc sống riêng tư nên anh N, chị O không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị O trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh N và chị O trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Phan Văn N và chị Nguyễn Kiều O là vợ chồng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh N phải chịu án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), anh N có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005767 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Chị O không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính